



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
BÁCH KHOA HÀ NỘI**
HANOI UNIVERSITY
OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
SCHOOL OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS TECHNOLOGY

2. Project Initiation

Khởi tạo dự án

ONE LOVE. ONE FUTURE. <http://bit.ly/2keQmhn>



2. Khởi tạo dự án

1. Definition
2. Goals
3. Identify Stakeholders



1. Definition – Định nghĩa



HUST

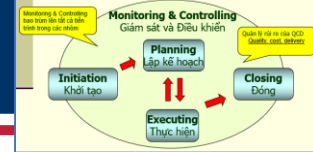


hust.edu.vn

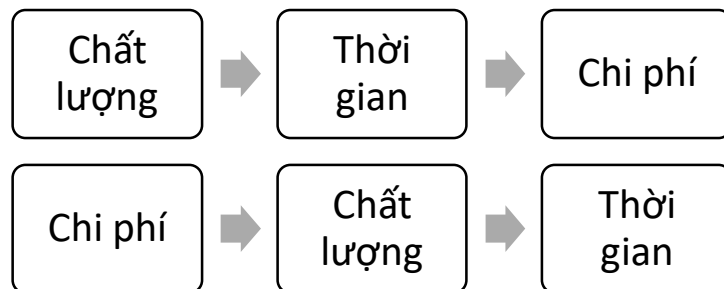


fb.com/dhbkhn

What is the project initiation - Khởi tạo dự án là



- Project Initiation là nhóm quy trình đầu tiên trong dự án.
- Bạn cần hiểu mục đích của dự án.
- Bạn có thể cần thuyết phục các bên liên quan.
 - Vì vậy, **Tuyên ngôn/ Điều lệ** Dự án là cần thiết.
- Bạn cần giao tiếp tốt với các bên liên quan của dự án.
 - Giao tiếp tốt phụ thuộc vào nhận thức thông qua kinh nghiệm được chia sẻ.



<http://www.milliondollarhomepage.com/>



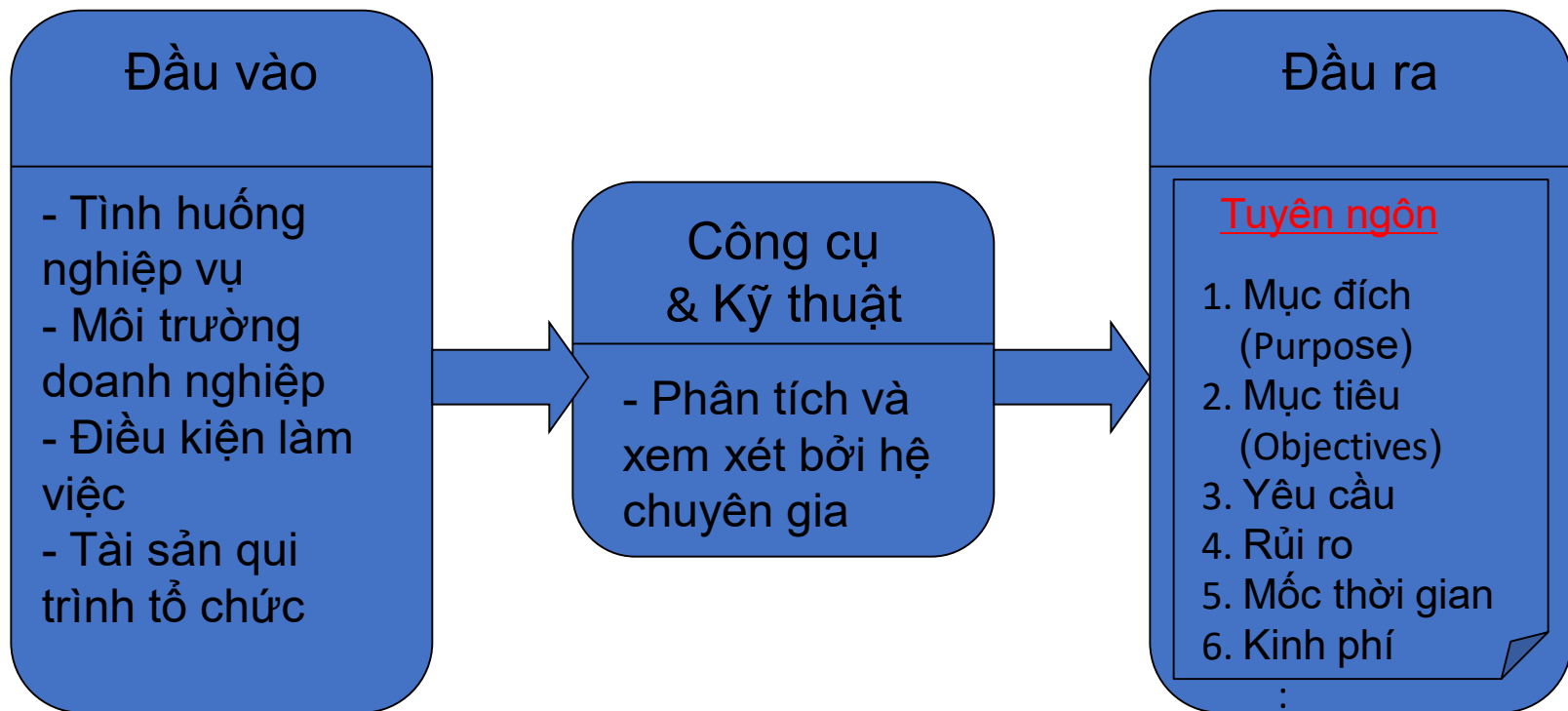
Project Initiation - Khởi tạo dự án

Purpose

Goal

Objective

- Khởi tạo dự án là các tiến trình để dự án được xét duyệt chính thức lúc bắt đầu hoạt động dự án mới



Tài sản qui trình tổ chức: là các kế hoạch, quy trình, chính sách, thủ tục và các cơ sở kiến thức cụ thể và được sử dụng bởi tổ chức thực hiện. Những tài sản này ảnh hưởng đến việc quản lý dự án

What is a Project Charter – Project Charter là gì?

A **project charter** is a formal, typically short document that describes your project in its entirety — including what the **objectives** are, how it will be carried out, and who the stakeholders are. It is a crucial ingredient in planning out the project because it is used throughout the project lifecycle.

- **Tuyên ngôn/ Điều lệ** dự án là một tài liệu chính thức, thường ngắn, mô tả toàn bộ dự án của bạn - bao gồm các **mục tiêu** là gì, nó sẽ được thực hiện như thế nào và các bên liên quan là ai. Nó là một thành phần quan trọng trong việc lập kế hoạch cho dự án vì nó được sử dụng trong suốt vòng đời của dự án.

What is a Project Charter

Tuyên ngôn/ Điều lệ dự án là tài liệu ủy quyền chính thức cho một dự án:

- Chứa đựng những gì tinh túy nhất của dự án.
- Cung cấp sự hiểu biết chung về dự án.
- Như một hợp đồng giữa nhà tài trợ dự án, các bên liên quan chính và nhóm dự án



Purpose of a Project Charter – Mục đích của Project Charter

- Reasons for undertaking the project
- Objectives and constraints of the project
- Directions concerning the solution
- Identities of the main stakeholders
- In-scope and out-of-scope items
- Risks identified early on
- Target project benefits
- High level budget and spending authority
- Lý do thực hiện dự án
- Mục tiêu và ràng buộc của dự án
- Hướng dẫn liên quan đến giải pháp
- Danh tính của các bên liên quan chính
- Các mục trong phạm vi và ngoài phạm vi
- Rủi ro được xác định sớm
- Mục tiêu lợi ích của dự án
- Ngân sách cấp cao và cơ quan chi tiêu

Components of a Project Charter



**Project Title and
Introduction**



**Summary milestone
schedule**



Stakeholder list



High-level Requirement



**Assumptions and
Constraints**



**Business Case, Project
Statement, and
Scope**



**Measurable project
objectives and
related success
criteria**



High-level risks



Summary budget



Team and Organization



**Project approval
requirements**



Communication plan

Benefits of a Project Charter – Lợi ích của Project Charter

- It gives an authority to the project manager to complete the project
- Explains the business importance and existence of project.
- Demonstrates Management support for the project.
- Defines outcome for the project.
- Aligns project with the organization objectives.
- Provides a team with a clear concise reporting system.
- Protects team members from scope creep.
- Helps in avoiding disagreements between stakeholders.
- Authorizes the existence of the project or establishes the project.
- Defines the parameters within which the project manager is authorized to operate.
- Gives the project manager authority to spend money and procure resources.
- Provides the high-level requirements for the project.
- Links the project to the ongoing operations of the organization.
- Nó trao quyền cho người quản lý dự án để hoàn thành dự án
- Giải thích tầm quan trọng kinh doanh và sự tồn tại của dự án.
- Thể hiện sự hỗ trợ của Ban quản lý đối với dự án.
- Xác định kết quả cho dự án.
- Điều chỉnh dự án với các mục tiêu của tổ chức.
- Cung cấp cho nhóm một hệ thống báo cáo ngắn gọn rõ ràng.
- Bảo vệ các thành viên trong nhóm khỏi sự mở rộng phạm vi.
- Giúp tránh bất đồng giữa các bên liên quan.
- Cho phép sự tồn tại của dự án hoặc thiết lập dự án.
- Xác định các tham số mà người quản lý dự án được phép vận hành.
- Cấp cho người quản lý dự án quyền chi tiền và mua sắm tài nguyên.
- Cung cấp các yêu cầu cấp cao cho dự án.
- Liên kết dự án với các hoạt động liên tục của tổ chức.

2. Goals – Các Mục đích



HUST



hust.edu.vn



fb.com/dhbkhn

Goals – Các mục đích

- Dự án có thể có nhiều *goal*.
- Dự án là một trong các thước đo mục tiêu kinh doanh. Nói cách khác là có mối quan hệ giữa goal và thước đo.
- Hãy thử đặt câu hỏi như sau:
 - “Mục đích cuối cùng của dự án là gì”
 - “Mục tiêu của dự án là gì?”
 - “Tại sao?”
- Cách tốt nhất để trả lời chính xác là tới văn phòng khách hàng và trao đổi trực tiếp.
- → **Make sure final project goal / purpose**

“Xây dựng website giới thiệu sách”. Mục đích, mục tiêu?

Mục đích hiệu quả có đặc điểm gì

- Goal được xác định và viết rõ ràng
- Goal được định lượng, không định tính
- Goal đem đến thách thức có thể hoàn thành được
- Các goal có sự hỗ trợ lẫn nhau
- Goal nên tập trung vào cả các điểm đầu cuối và cả điểm trung gian
- Goal phải trong thời gian cho phép

→ Goals should be SMART

- Specific
- Measurable
- Attainable...but Challenging
- Results Oriented
- Time bound



Goals should be SMART



Specific

Do: Set real numbers with real deadlines.

Don't: Say, "I want more visitors."



Measurable

Do: Make sure your goal is trackable.

Don't: Hide behind buzzwords like, "brand engagement," or, "social influence."



Attainable

Do: Work towards a goal that is challenging, but possible.

Don't: Try to take over the world in one night.



Realistic

Do: Be honest with yourself- you know what you and your team are capable of.

Don't: Forget any hurdles you may have to overcome.



Time-bound

Do: Give yourself a deadline.

Don't: Keep pushing towards a goal you might hit, "some day."

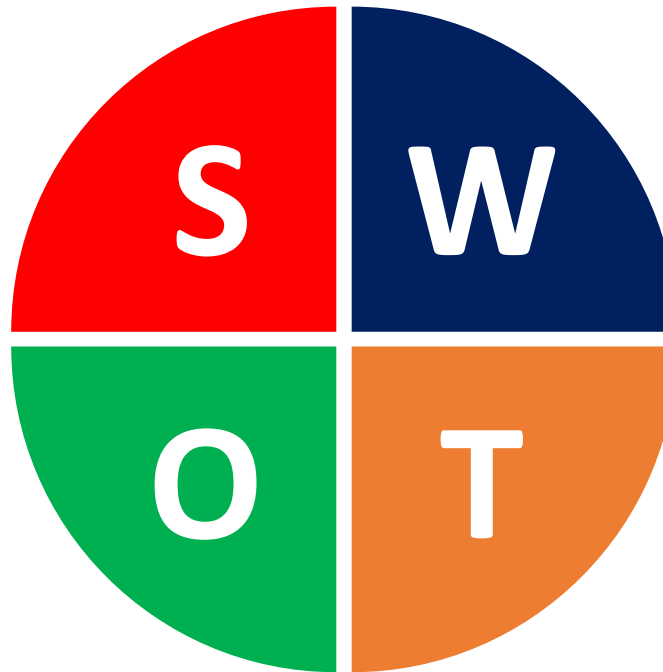
SWOT ANALYSIS

Strengths

Cần phải được duy trì, sử dụng chúng làm nền tảng và đòn bẩy

Opportunities

Cần được tận dụng, ưu tiên, nắm bắt kịp thời; xây dựng và phát triển trên những cơ hội này



Weaknesses

Cần được sửa chữa, thay thế hoặc chấm dứt

Threats

Cần đưa những nguy cơ này vào kế hoạch nhằm đề ra các phương án phòng bị, giải quyết và quản lý



S

Strengths Analysis

- ✓ Những việc doanh nghiệp bạn làm tốt
- ✓ Những tố chất khiến bạn nổi bật hơn đối thủ
- ✓ Nguồn lực nội bộ như kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn và mindset của đội ngũ
- ✓ Tài sản hữu hình như máy móc, thiết bị tiên tiến
- ✓ Tài sản vô hình như kỹ thuật độc quyền, bằng phát minh, sáng chế ...

Weakness Analysis

- ✓ Những khía cạnh hay chuyên môn doanh nghiệp bạn làm chưa tốt.
- ✓ Những việc đối thủ làm tốt hơn bạn
- ✓ Những nguồn lực bị giới hạn so với đối thủ
- ✓ Những yếu điểm cần cải thiện trong nội bộ
- ✓ Những điểm cần cải thiện của đội ngũ
- ✓ Những điều khoản hợp đồng mua bán chưa rõ ràng



W



O

Opportunities Analysis

- ✓ Thị trường chưa ai cung cấp sản phẩm hay dịch vụ cụ thể
- ✓ Ít đối thủ cạnh tranh mạnh trong lĩnh vực
- ✓ Nhu cầu mới nổi cho sản phẩm hoặc dịch vụ mà doanh nghiệp đã biết được.
- ✓ Quản lý dự án giỏi, có khả năng tuyển người trong thời gian ngắn, tuyển được người giỏi nên dự án có thể được rút ngắn.
- ✓ Lượng khách hàng trung thành tạo tiền đề cho sự mở rộng và phát triển.

Threat Analysis

- ✓ Đối thủ mạnh, đối thủ mới nổi
- ✓ Nhu cầu mới nổi cho sản phẩm hoặc dịch vụ nhưng không nắm bắt
- ✓ Nguồn lực hữu hạn liệu có đảm bảo thực thi dự án? Nguy cơ nhà đầu tư rút vốn?
- ✓ Thị trường có chấp nhận sản phẩm của dự án hay không?
- ✓ Khả năng về trình độ kỹ thuật, khoa học công nghệ có đảm bảo chất lượng của sản phẩm dự án? Sản phẩm này có lỗi thời trước khi cho ra thị trường?



T

Ưu nhược của công cụ SWOT

Lợi ích

Hạn chế



Miễn phí

- Không có chi phí liên quan
- Dùng được ở mọi chỗ



Kết quả phân tích chưa chuyên sâu

- Khá đơn giản
- Không đủ toàn diện để đánh giá



Kết quả quan trọng

- Xác định những yếu tố quan trọng
- Tối ưu/giảm thiểu



Nghiên cứu bổ sung cần thiết

- Cần nhiều hơn một danh sách
- Nên xem xét cơ hội hoặc quy mô của các rủi ro



Ý tưởng mới

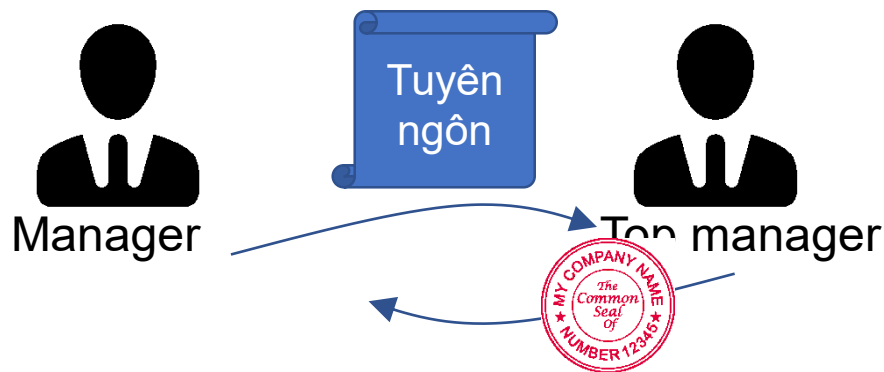
- Giúp tạo ra các ý tưởng mới
- Giúp phản ứng hiệu quả hơn trong tương lai

➤ Nếu xếp hỏi như sau, bạn sẽ thiết lập các goal cho mình như thế nào?

“Phát triển một hệ thống đặt hàng - giao vận hàng mới với các mục tiêu.”

- ① *Nâng cao sự hài lòng của khách hàng*
- ② *Tăng tốc quá trình hoạt động*
- ③ *Cải thiện kỹ năng của nhân viên*
- ④ *Thỏa mãn tiêu chí QCD (Quality, Cost, Delivery)*
- ⑤ *Tăng tỷ suất lợi nhuận*

Sample Contents of Project Charter



1. Nhận biết sự tồn tại của dự án
2. Ai là Project Manager?
3. Thiết lập quyền hạn của PM để cung cấp tài nguyên cho dự án
4. Định nghĩa Project Objectives
5. Danh sách các Stakeholder chính
6. Chỉ 1-2 trang là tối đa.
7. Thường được tạo bởi Project Manager hoặc project management team
8. Được ký duyệt bởi Project Sponsor hay một ai ở Top Management (bên ngoài dự án)

3. Identify Stakeholders - Xác định Stakeholders

The logo for HUST (Hanoi University of Science and Technology) is displayed in white, bold, uppercase letters. It is centered within a dark blue rectangular area. Surrounding the text is a decorative pattern of red dots of varying sizes, arranged in a circular, halftone-like fashion that fades out towards the edges of the blue area.

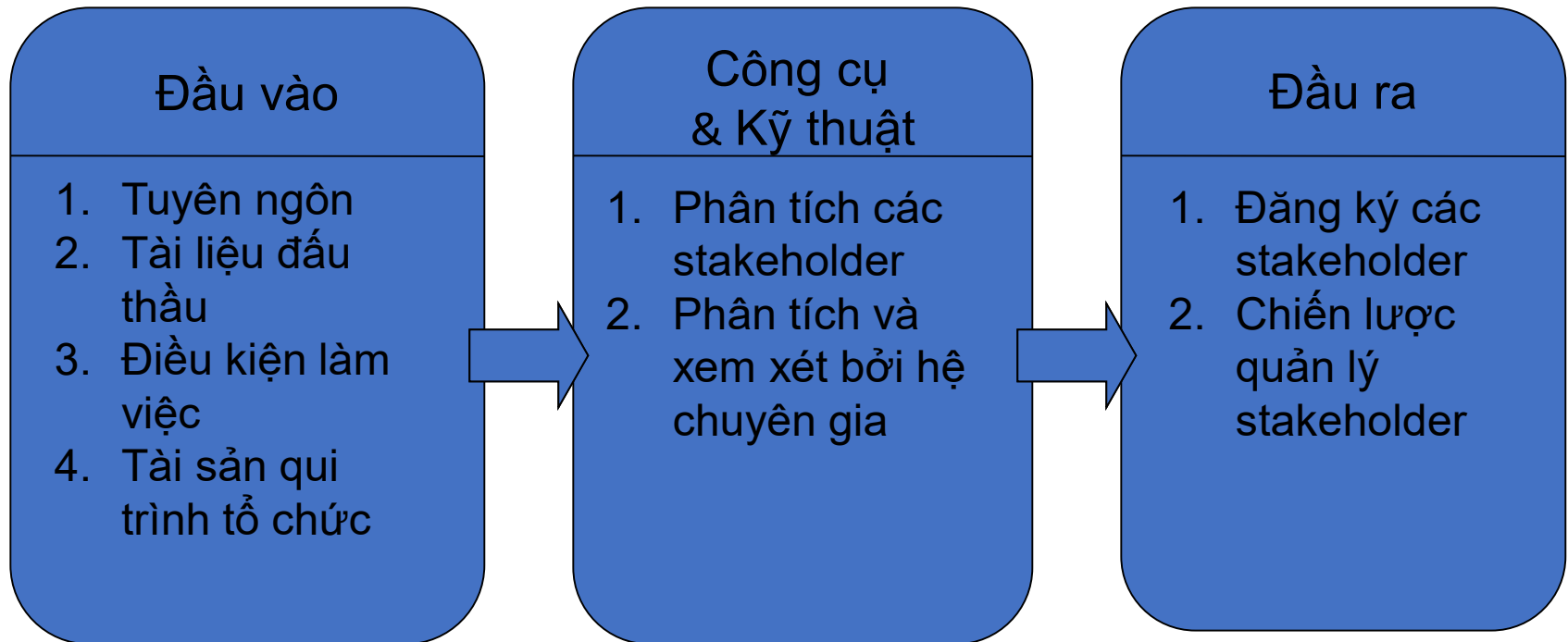
hust.edu.vn



fb.com/dhbkhn

Xác định Stakeholders

- Xác định các cá nhân và tổ chức có ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi dự án.



A Typical IT Project stakeholders – Bối cảnh DA IT đặc trưng

Xây dựng Project Team tốt và quan hệ Stakeholders tốt là điều quan trọng nhất mà Người quản lý dự án có thể làm để đạt được một dự án thành công.



- Xác định các điều kiện ràng buộc
- Các điều kiện ràng buộc giới hạn về đầu vào và cả các tiến trình hoạt động.
- Xác định các điều kiện ràng buộc sẽ giúp
 - Chính sách
 - Sáng tạo
 - Ưu tiên
 - Sức mạnh trong đàm phán
 - Thỏa mãn khách hàng

A decorative graphic on the left side of the slide. It features a dark blue background with a large, stylized circular pattern composed of many small red dots. The dots are arranged in concentric, slightly irregular rings, creating a sense of depth and movement. The word "HUST" is centered within this pattern.

HUST

THANK YOU !